| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH LẠNG SƠN | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 1302/QĐ-UBND | *Lạng Sơn, ngày 17 tháng 8 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình Xây dựng bốt kiểm soát và Barie tại khu vực cửa khẩu Bình Nghi, huyện Tràng Định

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra và đề nghị phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành số 374/BC-STC ngày 15/8/2023.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

1. Tên công trình: Xây dựng bốt kiểm soát và Barie tại khu vực cửa khẩu Bình Nghi, huyện Tràng Định.

2. Chủ đầu tư: Trung tâm Quản lý cửa khẩu thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn.

3. Địa điểm xây dựng: xã Đào Viên, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

4. Thời gian khởi công: tháng 5/2021; thời gian hoàn thành: tháng 12/2022.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư *Đơn vị tính: đồng*

| Số TT | Nội dung | Tổng dự toán được duyệt | Giá trị quyết toán được phê duyệt |
|---|---|---|---|
| **Tổng số** | | **3.577.328.810** | **3.452.171.000** |
| 1 | Xây dựng | 2.289.271.037 | 2.287.294.000 |

| Số TT | Nội dung | Tổng dự toán được duyệt | Giá trị quyết toán được phê duyệt |
|---|---|---|---|
| 2 | Thiết bị | 890.472.600 | 815.914.000 |
| 3 | Quản lý dự án | 128.077.183 | 121.985.000 |
| 4 | Tư vấn | 242.149.350 | 206.920.000 |
| 5 | Chi phí khác | 242.149.350 | 20.058.000 |

2. Vốn đầu tư *Đơn vị tính: đồng*

| Số TT | Nội dung | Tổng dự toán được duyệt | Thực hiện | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá trị quyết toán được phê duyệt | Số vốn đã giải ngân | Số vốn còn được giải ngân so với giá trị được quyết toán | Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được duyệt |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| **Tổng số** | | **3.577.328.810** | **3.452.171.000** | **3.350.089.000** | **102.082.000** | **0** |
| 1 | Nguồn vốn đầu tư công: | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Nguồn vốn khác (Vốn được trích lại theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh): | 3.577.328.810 | 3.452.171.000 | 3.350.089.000 | 102.082.000 | 0 |

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư *Đơn vị tính: đồng*

| Số TT | Nội dung | Thuộc chủ đầu tư quản lý | | Giao đơn vị khác quản lý | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi (nếu có) | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi (nếu có) |
| **Tổng số** | | **3.452.171.000** | | | |
| 1 | Tài sản dài hạn (tài sản cố định) | 3.452.171.000 | | | |
| 2 | Tài sản ngắn hạn | 0 | | | |

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là *Đơn vị tính: đồng*

| Số TT | Nội dung | Số tiền | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **Tổng số** | | **3.452.171.000** | |
| 1 | Nguồn vốn đầu tư công | 0 | |
| 2 | Nguồn vốn khác (Vốn được trích lại theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh) | 3.452.171.000 | |

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán

- Tổng phải thu: 0 đồng.
- Tổng nợ phải trả: 102.082.000 đồng.

*(Chi tiết các khoản công nợ tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này).*

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản

2.1. Được phép ghi tăng tài sản *Đơn vị tính: đồng*

| Số TT | Tên đơn vị tiếp nhận tài sản | Tài sản dài hạn/cố định | Tài sản ngắn hạn |
|---|---|---|---|
| 1 | Trung tâm Quản lý cửa khẩu thuộc Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn | 3.452.171.000 | 0 |

2.2. Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Giám đốc Trung tâm Quản lý cửa khẩu thuộc Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(HVTr).

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lương Trọng Quỳnh**